TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ - ST
Ngày 11 tháng 10 năm 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông

2. Ông Nguyễn Văn Chung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Cao Văn Q, sinh năm 1990

Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây N (vắng mặt)

3. *Người làm chứng*: Bà Hoàng Thị A, sinh năm 1957 (mẹ chị N)

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Cao Văn Q ngày 26/5/2015 trước khi kết hôn với anh Q chị đã có con riêng, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, sau khi cưới chị về ở chung với gia đình anh Q tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường được khoảng 02 năm thì vợ chồng sẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bố mẹ anh Q đối xử với chị không có tình cảm, hay chửi xúc phạm chị nhiều lần, anh Q không có lập trường nghe theo gia đình, vợ chồng đi làm được tiền thì bố mẹ anh Q quản lý. Năm 2016 chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Q.

Tại phiên tòa bị đơn anh Cao Văn Q vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2018 tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây N anh Q trình bày: Anh thừa nhận chị N trình bày đúng về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và thời gian vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị N khai là do bố mẹ anh đối xử với chị không có tình cảm, hay chửi xúc phạm chị nhiều lần, anh không có lập trường nghe theo gia đình, vợ chồng đi làm được tiền thì bố mẹ anh quản lý là không đúng. Vợ chồng anh cùng gia đình vào Miền Nam làm ăn thì chị N không thích nên không lo làm ăn mà cứ xin về quê, bố mẹ anh có dạy dỗ nhưng chị không nghe, sau đó chị để con lại cho anh và gia đình nuôi tự bỏ về quê mẹ đẻ ở từ tháng 12/2016 vợ chồng sống ly thân từ đó, nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị N xin ly hôn anh đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị N, anh Q thừa nhận có 01 con chung là cháu Cao Thị Thu T sinh ngày 26/6/2016, hiện nay cháu đang ở với anh Q và gia đình anh Q tại huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây N. Ly hôn chị N để cháu T cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng vì hiện nay chị đi làm xa nên không có điều kiện nuôi con. Anh Q đồng ý và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra chị N có 01 con riêng là cháu Đỗ Kim S sinh năm 2012 nay cháu đang ở với chị N, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị N, anh Q thừa nhận vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ: Chị N, anh Q thừa nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay tài sản gì.

Về đất canh tác: Chị N, anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức: Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Q và gia đình thanh toán công sức.

Bà Hoàng Thị A trình bày: Bà là mẹ của chị N, chị N không biết đọc biết viết chỉ điểm chỉ và chị là người bình thường. Trước khi chị N lấy anh Q chị đã có con riêng là Đỗ Kim S sinh năm 2012 nay cháu đang ở với chị N và gia đình bà. Năm 2015 chị N kết hôn với anh Q sau khi cưới anh chị vào Miền nam làm ăn sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bố mẹ chồng chửi xúc phạm chị N nhiều lần, anh Q không có lập trường nghe theo gia đình. Năm 2016 chị N về sống cùng gia đình bà, nay chị N xin ly hôn anh Q do anh chị quyết định bà không có ý kiến gì.

Về con chung như chị N trình bày là đúng, do chị N đi làm xa và có 01 con riêng nên không có điều kiện để nuôi cháu Trang, vì vậy để cháu Trang cho anh Q và gia đình nuôi. Về kinh tế tài sản anh chị có những gì bà không biết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Cao Văn Q. Về con chung giao cho anh Cao Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Thị Thu Trang sinh ngày 26/6/2016, anh Q không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và đất canh tác: Chị N anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Công sức chị N không yêu cầu anh Q và gia đình thanh toán công sức. Án phí chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Đỗ Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Cao Văn Q theo quy định tại Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh Q đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015 chị Đỗ Thị N kết hôn với anh Cao Văn Q trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 01 con chung, trong quá trình chung sống giữa chị N và bố mẹ anh Q có mâu thuẫn, nhưng anh Q lại không khéo néo dàn xếp để tình cảm gia đình trở nên đầm ấm hơn. Vì vậy khi vợ chồng và gia đình vào Miền Nam làm ăn thì chị N chán nản xin bố mẹ anh Q cho về quê, bố mẹ anh Q không đồng ý sau đó chị N để con lại cho anh Q nuôi và bỏ về bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không đạt được vì vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị N, anh Q có 01 con chung là cháu T hiện nay cháu đang ở với anh Q. Ly hôn chị N để cháu T cho anh Q nuôi, anh Q đồng ý vì vậy cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Chị N, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Công sức: Chị N không yêu cầu anh Q và gia đình thanh toán công sức nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Cao Văn Q.

Về con chung: Anh Cao Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Thị Thu T, sinh ngày 26/6/2016 đến khi trưởng thành. Anh Cao Văn Q không yêu cầu chị Đỗ Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Chị Đỗ Thị N, anh Cao Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công sức: Chị Đỗ Thị N không yêu cầu anh Cao Văn Q và gia đình thanh toán công sức.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004062 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cao Văn Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình